

Bản án số:06/2024/HSST
Ngày 11/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Hà Đức Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với các Bị cáo:

1. Nguyễn Công K (tên gọi khác: Không); Sinh năm 1987, tại huyện T, tỉnh P.

Nơi cư trú: Khu Đồng Thịnh, xã Minh Đài, huyện T, tỉnh P.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Công Khiêm, sinh năm 1939 và bà: Bùi Thị Lua, sinh năm 1950.

Vợ: Hà Thị Tươi, sinh năm 1986; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền sự: Không.

Tiền án: (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

Có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” theo bản án số 31/2022/HSST ngày 15/12/2022 tuyên phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo đi chấp hành án ngày 02/02/2023, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội ngày 13/01/2024 bị cáo đã chấp hành án được 11 tháng 11 ngày. Thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành án là 20 ngày nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo không bị tạm giữ. Hiện Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Minh Đài, huyện T, tỉnh P (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn H (tên gọi khác: không); Sinh năm: 1994 tại huyện Th, tỉnh P.

Nơi cư trú: Khu Đình, xã Dịch Quả, huyện Th, tỉnh P.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lê Văn Mười, sinh năm 1966 và bà: Phạm Thị Hiền, sinh năm 1966;
Vợ: Nguyễn Thị Hoài Thương, sinh năm 1994; Con: Có 01 con sinh năm 2017.
Tiền sự: Không.

Tiền án: *(án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật):*

Có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” theo bản án số 22/2022/HSST ngày 18/5/2022 tuyên phạt hình phạt tiền, mức phạt 20.000.000đ. Ngày 13/3/2023 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án. Hành vi đánh bạc ngày 13/01/2024 bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo không bị tạm giữ. Hiện bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Địch Quả, huyện T, tỉnh P (có mặt tại phiên tòa).

3. Vũ Hữu L (tên gọi khác: không); Sinh năm 1990, tại huyện Th, tỉnh P.

Nơi cư trú: Khu Liên Đồng, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh P.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vũ Hữu Hà, sinh năm 1962 và bà: Đỗ Thị Lan, sinh năm 1963.

Vợ: Nguyễn Thị Thúy Hiền, sinh năm 1996; Con: Có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Th, huyện Th, tỉnh P (có mặt tại phiên tòa).

4. Bùi Chí C (tên gọi khác: không); Sinh năm 1987, tại huyện T, tỉnh P.

Nơi cư trú: Khu Đồng Gạo, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Bùi Văn Thành (đã chết) và bà: Thiệu Thị Vân, sinh năm 1960.

Vợ: Ngô Thị Thoa, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện Bị cáo đang chấp hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công K: Ông **Lã Thành Công** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Hồi 00 giờ 40 phút ngày 13/01/2024 Cơ quan CSĐT - Công an huyện T kiểm tra

phát hiện tại quán Bi-a ở khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P do Đỗ Văn T, ở Khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P làm chủ. Có 04 đối tượng đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “Bi - a” gồm: Vũ Hữu L, trú quán: Thị trấn Th, huyện Th, tỉnh P; Lê Văn H, trú quán: Xã Định Quả, huyện Th, tỉnh P; Bùi Chí C, trú quán: Xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P và Nguyễn Công K, trú quán: Xã Minh Đài, huyện T, tỉnh P.

Thu giữ trên bàn bi - a tổng số tiền: 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng); 01 bàn bi - a cũ đã qua sử dụng có nỉ màu xanh bên cạnh có chữ AILEEX; 04 gậy bi-a cũ đã qua sử dụng; 10 bóng bi-a đã cũ (Trong đó: 09 bóng in số từ 01 đến 09, 01 bóng màu trắng không in số); 01 cục lơ màu xanh đã qua sử dụng. Công an huyện T lập biên bản sự việc và đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện T để làm việc.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/01/2024 Vũ Hữu L và Lê Văn H đến quán Bi -a tại đây L, H gặp Bùi Chí C và Nguyễn Công K cả bốn rủ nhau đánh bạc thống nhất với nhau đánh Bi-a thắng thua bằng tiền dưới hình thức cụ thể như sau: Sử dụng bàn bi-a, gậy bi-a và 10 viên bi-a (Trong đó: 01 viên bi màu trắng không đánh số (viên bi cái) và 09 viên bi được đánh số từ 1 đến 09) để đánh bạc. Trước khi đánh cả bốn người chia làm hai bên L và H một bên, C và K một bên rồi lần lượt xen kẽ từng người của hai bên đánh các viên bi a từ 01 đến 09 xuống 06 lỗ trên bàn bi a bên nào đánh đến viên bi a số 09 xuống lỗ trước bên đó thắng, bên thua phải trả cho bên thắng mỗi ván 200.000đ, trong lúc đánh bi a bên nào đánh viên bi a vào lỗ mười (02 lỗ ở giữa bàn bi a) thì được bên kia trả số tiền 100.000đ cho mỗi viên bi. Các bị cáo khi tham gia đánh bạc L và H thỏa thuận mỗi người góp 2.500.000đ. H không mang tiền, L có mang theo 5.000.000đ cho H vay 2.500.000đ để góp cùng L đánh bạc. H là người cầm tiền trả cho mỗi ván bạc. C khai có 2.500.000đ, K khai sử dụng số tiền 600.000đ để đánh bạc. K là người cầm tiền của K và C để trả cho mỗi ván bạc khi đánh với L và H.

2. Các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 17/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị cáo Nguyễn Công K, Lê Văn H, Vũ Hữu L và Bùi Chí C về hành vi đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo khai: L và H thỏa thuận mỗi người góp 2.500.000đ. H không mang tiền, L có mang theo 5.000.000đ cho H vay 2.500.000đ để góp cùng L đánh bạc. H là người cầm tiền trả cho mỗi ván bạc. C khai có 2.500.000đ, K khai sử dụng số tiền 600.000đ để đánh bạc. K là người cầm tiền của K và C để trả cho mỗi ván bạc khi đánh với L và H.

Vật chứng vụ án: Số tiền 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và 01 bàn bi - a cũ đã qua sử dụng có nỉ màu xanh bên cạnh có chữ AILEEX; 04 gậy bi-a cũ đã qua sử dụng; 10 bóng bi-a đã cũ

(Trong đó: 09 bóng in số từ 01 đến 09; một bóng màu trắng không in số); 01 cục lơ màu xanh đã qua sử dụng đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng công an huyện T.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSTS ngày 21/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P đã truy tố các Bị cáo: Nguyễn Công K, Lê Văn H, Vũ Hữu L và Bùi Chí C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

-Đối với bị cáo Nguyễn Công K: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo: Nguyễn Công K 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 31/2022/HSST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, tính đến ngày 13/01/2024 bị cáo đã chấp hành được 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày, thời gian còn lại chưa chấp hành án là 20 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 06 (sáu) ngày tù. Buộc bị cáo Nguyễn Công K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày tù đến 12 (mười hai) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

-Đối với bị cáo Lê Văn H: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

-Đối với bị cáo Vũ Hữu L: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hữu L hình phạt tiền, mức phạt từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

-Đối với bị cáo Bùi Chí C: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2,4 Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Chí C hình phạt Cải tạo không giam giữ, mức phạt từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được Quyết định thi hành án. Buộc bị cáo C phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo, thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo Bùi Chí C và bị cáo Vũ Hữu L theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03, 04 ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Áp dụng khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Công K và Lê Văn H cho đến khi bị

án đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Công K, Lê Văn H, Bùi Chí C và Vũ Hữu L.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Đỗ Văn T trú tại: Khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P các tài sản gồm: 01 bàn bi - a cũ đã có nỉ màu xanh bên cạnh có chữ AILEEX; 04 gậy bi-a cũ đã qua sử dụng; 10 bóng bi-a đã cũ (Trong đó: 09 bóng in số từ 01 đến 09, 01 bóng màu trắng không in số); 01 cục lơ màu xanh đã qua sử dụng.

4. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công K:* Đồng ý với điểm, khoản, Điều luật mà Viện kiểm sát truy tố. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mà Kiểm sát viên đã áp dụng thì gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về lo cho gia đình vợ và con bị cáo.

5. *Các bị cáo nói lời sau cùng:* Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo K không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo: Nguyễn Công K, Lê Văn H, Vũ Hữu L và Bùi Chí C lời khai của các bị cáo thống nhất với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Hồi 00 giờ 40 phút ngày 13/01/2024 tại quán Bi-a do anh Đỗ Văn T ở khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P làm chủ. Cơ quan CSĐT - Công an huyện T phát hiện các đối tượng Vũ Hữu L, Lê Văn H, Bùi Chí C và Nguyễn Công K có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh Bi-a”.

Tổng số tiền các đối tượng đánh bạc và phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

Các Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện đến cùng.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo: Nguyễn Công K, Lê Văn H, Vũ Hữu L và Bùi Chí C thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã có nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này như nhau: Các bị cáo đánh bạc nhiều người nhưng chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân công nhau nên không coi là phạm tội có tổ chức.

- Về nhân thân các Bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Công K: Có 1 tiền án, tại bản án số 31/2022/HSST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện T Tuyên phạt 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ tính đến ngày 13/01/2024 bị cáo đã chấp hành được 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày, thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành án là 20 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 06 (sáu) ngày tù.

Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi xử phạt bị cáo cần xem xét để đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Văn H: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có 01 tiền án về tội đánh bạc, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi xử phạt bị cáo cũng xem xét để đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Hữu L: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Bị cáo L là người thương binh nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là điều kiện để Hội đồng xem xét áp dụng hình phạt sao cho phù hợp đủ để răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Bùi Chí C: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51. Đây là điều kiện để Hội đồng xem xét khi lượng hình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì bị cáo C có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra thấy rằng, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy, cần miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự thì “*Trường hợp Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần*”. Xét thấy tính đến ngày xét xử bị cáo C là lao động tự do không có việc làm nên cần áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo tại địa phương là phù hợp và qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy, bị cáo C ở cùng mẹ để có nhà đất có giá trị. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng) thu giữ của các bị cáo, đây là công cụ phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

01 bàn bi - a cũ đã có nỉ màu xanh bên cạnh có chữ AILEEX; 04 gậy bi-a cũ đã qua sử dụng; 10 bóng bi-a đã cũ (Trong đó: 09 bóng in số từ 01 đến 09, 01 bóng màu trắng không in số); 01 cục lơ màu xanh thu giữ tại nhà anh Đỗ Văn T. Việc các bị cáo đánh bạc anh T không biết, nay cần trả lại số tài sản trên cho anh T là phù hợp.

[5] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa cho bị cáo K tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 khoản 1 Điều 38 khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công K.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn H.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Hữu L.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Chí C.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt Bị cáo: Nguyễn Công K 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 31/2022/HSST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ tính đến ngày 13/01/2024 bị cáo đã chấp hành được 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày, thời gian còn lại bị cáo chưa chấp hành án là 20 (hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 06 (sáu) ngày tù. Buộc bị cáo Nguyễn Công K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (mười hai) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Vũ Hữu L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Bùi Chí C 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được Quyết định thi hành án.

Giao Bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Bị cáo Bùi Chí C.

Bị cáo Bùi Chí C phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong một ngày và không quá 05 (năm) ngày trong 01 tuần.

- Về hình phạt bổ sung:
- + Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Công K, Lê Văn H, Vũ Hữu L.
- + Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Chí C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.
- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Bùi Chí C và bị cáo Vũ Hữu L theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.
- Áp dụng khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Công K và Lê Văn H cho đến khi bị án đi chấp hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.100.000đ (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Đỗ Văn T trú tại: Khu Đồng Thanh, xã Văn Luông, huyện T, tỉnh P các tài sản gồm: 01 bàn bi - a cũ đã có nỉ màu xanh bên cạnh có chữ AILEEX; 04 gậy bi-a cũ đã qua sử dụng; 10 bóng bi-a đã cũ (Trong đó: 09 bóng in số từ 01 đến 09, 01 bóng màu trắng không in số); 01 cục lơ màu xanh đã qua sử dụng.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P ngày 22/3/2024.

4. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Công K.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Lê Văn H, Vũ Hữu L và Bùi Chí C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân tỉnh P xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án nhân tỉnh P xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an huyện T;*
- Chi cục THA dân sự huyện;*
- UBND xã nơi b/c thường trú;*
- Những người tham gia tố tụng;*
- Lưu hồ sơ vụ án.*

Đinh Văn Chí